|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN AN LÃO  **TRƯỜNG THCS TRƯỜNG SƠN** | ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II NĂM HỌC 2022-2023  **MÔN VẬT LÍ 8**  **Thời gian làm bài 45 phút (không kể thời gian giao đề)** |

1. **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Tên** | **Nhận biết** | | | | | **Thông hiểu** | | | | | | **Vận dụng** | | | | | | **Vận dụng cao** | | | | | | **Cộng** | | | | | |
| **chủ đề** | TNKQ | | | TL | | TNKQ | | | TL | | | TNKQ | | | TL | | | TNKQ | | | | TL | | TNKQ | | | TL | | |
| **Công suất, cơ năng** | - Nhận biết trường hợp vật có thế năng và động năng.  . Tính được công suất | | | | | Hiểu được trong TH nào vật có thế năng, động năng, số W ghi trên dụng cụ điện | | | | | | Công suất, cơ năng | | | | | |  | | | | | |  | | |  | | |
| *5* | *2.0* | |  |  | *3* | *1.2* | |  |  | |  | |  | 0.5 | 1.0 | |  | |  | |  |  | *8* | *3.2* | | 0.5 | | 1.0 |
| **Cấu tạo phân tử của các chất** |  | | | | | - Nhận biết tính chất của các phân tử cấu tạo nên vật | | | | | |  | | | | | |  | | | | | |  | | |  | | |
| *3* | | *1.2* |  |  | *1* | | *0.4* |  | |  |  |  | |  | |  |  |  | |  | |  | *4* | | *1.6* |  |  | |
| **Nhiệt năng – công thức tính nhiệt lượng** | - Nhận biết công thức tính nhiệt lượng thu vào hay tỏa ra, sự truyền nhiệt, đơn vị nhiệt lượng. | | | | | - Hiểu sự truyền nhiệt năng bằng các hình thức khác nhau. | | | | | | - Vận dụng được công thức tính nhiệt lượng | | | | | | Vận dụng phương trình cân bằng nhiệt | | | | | |  | | |  | | |
| *2* | | *0.8* |  |  | *1* | | *0.4* | *1* | | *1.0* |  |  | | *1* | | *1.0* |  |  | | *0.5* | | *1.0* | *3* | | *1.2* | *2.5* | *3.0* | |
| **Tổng** | **10** | | **4.0** |  |  | **5** | | **2.0** | **1** | | **1.0** |  |  | | **1.5** | | **2.0** |  |  | | **0.5** | | **1.0** | **15** | **6.0** | | **3** | **4.0** | |
|  | | **40%** |  |  |  | | **20%** |  | | **10%** |  |  | |  | | **20%** |  |  | |  | | **10%** |  | **60%** | |  | **40%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN AN LÃO  **TRƯỜNG THCS TRƯỜNG SƠN** | ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II NĂM HỌC 2022-2023  **MÔN VẬT LÍ 8**  **Thời gian làm bài 45 phút (không kể thời gian giao đề)** |

**A/ PHẦN TRẮC NGHIỆM (6Đ)** (Hăy khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu đáp án mà em cho là đúng )

**Câu 1:** Trong các phát biểu sau, phát biểu nào là đúng với định luật về công.

A. Các máy cơ đơn giản đều cho lợi về công.

B. Không máy cơ đơn giản nào cho lợi về công mà chỉ lợi về lực.

C. Không máy cơ đơn giản nào cho lợi về công, được lợi bao nhiêu lần về lực thì thiệt bấy nhiêu lần về đường đi.

D. Các máy cơ đơn giản đều cho ta lợi về lực.

**Câu 2** **:** Vật nào không có động năng

A.Hòn bi nằm yên trên sàn.

B.Hòn bi lăn trên sàn.

C.Máy bay cất cánh.

D.Viên đạn đang bay.

**Câu 3:** Dùng ròng rọc động để nâng một vật lên cao 10m với lực kéo 150N. Hỏi người đó thực hiện một công là bao nhiêu:

A. A = 3400J

B. A = 3200 J

C. A = 3000J

D. A = 2800 J

**Câu 4:** Một người dùng mặt phẳng nghiêng dài 2m để đưa một vật khối lượng 50 kg lên độ cao 1m, lực kéo của người đó trên mặt phẳng nghiêng khi không có ma sát là:

A. F= 300N

B. F= 250N

C. F= 200N

D. F= 150N

**Câu 5:** Một người công nhân dùng ròng rọc cố định để nâng 1 vật lên cao 6m với lực kéo ở đầu dây tự do là 100N. Hỏi người công nhân đó phải thực hiện một công bằng bao nhiêu ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 1200J | B. 600J | C. 300J | D. 2400J |

**Câu 6:** Một học sinh kéo đều một gầu nước từ giếng sâu lên phải thực hiện một công là 360 J. Thời gian kéo hết 0,5 phút. Công suất của lực kéo là

A. 360 W.    B. 720 W.    C. 180 W.    D. 12 W.

**Câu 7:** Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về cấu tạo các chất?

A. Các chất được cấu tạo từ các hạt riêng biệt gọi là nguyên tử và phân tử.

B. Các phân tử và nguyên tử chuyển động hỗn độn không ngừng.

C. Giữa các phân tử và nguyên tử luôn có khoảng cách

D. Các chất được cấu tạo từ các hạt riêng biệt gọi là nguyên tử và phân tử, giữa chúng có khoảng cách và luôn chuyển động hỗn độn không ngừng.

**Câu 8:** Nhỏ một giọt nước đang sôi vào một cốc nước ấm thì nhiệt năng của giọt nước và của nước trong cốc thay đổi như thế nào?

A. Nhiệt năng của giọt nước tăng, của nước trong cốc giảm

B. Nhiệt năng của giọt nước giảm, của nước trong cốc tăng

C. Nhiệt năng của giọt nước và của nước trong cốc đều giảm

D. Nhiệt năng của giọt nước và của nước trong cốc đều tăng

**Câu 9***.* Trong các cách xắp xếp sự dẫn nhiệt từ tốt hơn đến kém hơn sau đây, cách nào là đúng?

A. Bạc, thủy ngân, nước, không khí B. Thủy ngân, bạc, nước, không khí

C. Không khí, nước, bạc, thủy ngân D. Bạc, nước, thủy ngân, không khí

**Câu 10**: Môi trường nào dưới đây không dẫn nhiệt

A. Chất khí B. Chất lỏng C. Chất rắn D. Chân không

**Câu 11**: Những vật có khả năng hấp thụ bức xạ nhiệt tốt là những vật:

A. Có bề mặt sần sùi, sẫm màu. B. Có bề mặt nhẵn, sẫm màu.

C. Có bề mặt sần sùi, sáng màu. D. Có bề mặt nhẵn, sáng màu.

**Câu 12**: Nhỏ một giọt nước nóng vào một cốc nước lạnh thì nhiệt năng của giọt nước và nước trong cốc thay đổi như thế nào?

A. Nhiệt năng của giọt nước tăng, của nước trong cốc giảm

B. Nhiệt năng của giọt nước giảm, của nước trong cốc tăng

C. Nhiệt năng của giọt nước và nước trong cốc đều tăng

D. Nhiệt năng của giọt nước và nước trong cốc đều giảm.

**Câu 13**: Vì sao các bồn chứa xăng dầu thường sơn màu nhũ trắng sáng mà không sơn các màu khác?

A. Để hạn chế sự dẫn nhiệt. B. Để hạn chế sự hấp thụ nhiệt.

C. Để hạn chế sự đối lưu. D. Để hạn chế sự bức xạ nhiệt.

**Câu 14**: Công thức nào sau đây là công thức tính nhiệt lượng do 1 vật có khối lượng m thu vào?

A. Q = mc t, với  t là độ tăng nhiệt độ. B. Q = mc t, với  t là độ giảm nhiệt độ.

C .Q = mc(t1 – t2) với t1 là nhiệt độ ban đầu, t2 là nhiệt độ cuối. D. Một công thức khác

**Câu 15**: Ngăn đá của tủ lạnh thường đặt ở phía trên ngăn đựng thức ăn, để tận dụng sự truyền nhiệt bằng.

A. Dẫn nhiệt. B. Bức xạ nhiệt. C. Đối lưu. D. Bức xạ nhiệt và dẫn nhiệt

**II. Tự luận ( 4 điểm)**

**Bài 1 (1đ) :** Cá muốn sống được phải có không khí nhưng ta thấy cá vẫn sống được trong nước. Hãy giải thích tại sao?

**Bài 2:(1,5đ)** Dưới tác dụng của một lực 4000N, một chiếc xe chuyển động đều lên dốc trong 4 phút với vận tốc 15km/h . Em hãy tính công và công suất của động cơ.

**Bài 3 : (1,5đ)** Thả một quả cầu bằng thép có khối lượng 0,5 kg đã được nung nóng tới 1000C vào một cốc nước ở 150C. Sau một thời gian, nhiệt độ của quả cầu và nước là 300C. Cho nhiệt dung riêng của nước là 4200 J/kg.K và nhiệt dung riêng của thép là 460 J/kg.K.

a) Tính nhiệt lượng do quả cầu tỏa ra.

b) Tìm khối lượng của nước trong cốc (nếu chỉ có sự trao đổi nhiệt quả cầu và nước).

c) Người ta vẫn muốn nhiệt độ khi cân bằng nhiệt là 30oC nhưng có sự mất nhiệt ra môi trường xung quanh là 10% thì khối lượng lúc này bằng bao nhiêu?

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN AN LÃO  **TRƯỜNG THCS TRƯỜNG SƠN** | **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**  NĂM HỌC 2022- 2023  **MÔN VẬT LÝ 8**  (Thời gian 45 phút) |

**Phần I:** Trắc nghiệm:6đ ( Mỗi ý đúng 0,4điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| Đáp án | C | A | C | B | B | D | D | B | A | D | A | B | B | A | C |

**Phần II: Tự luận**: (6đ)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Bài 1**  **(1đ)** | Ta thấy, Cá vẫn sống được trong nước vì:  - Các phân tử luôn chuyển động không ngừng về mọi phía và giữa chúng có khoảng cách.  - Nên các phân tử không khí có thể chuyển động xen vào khoảng cách giữa các phân tử nước và ngược lại.  - Do đó cá vẫn sống được trong nước. | 0,5 đ  0,25 đ  0,25 đ |
| **Bài 2**  **(1,0đ)** | Tóm tắt và đổi đơn vị đúng  Tính được quãng đường xe đi được: S = v.t =15.1/15 = 1 km =1000 (m)  Tính được công của động cơ: A = F.s = 4000. 1000 = 4000000(J)  = 4000 kJ  Tính được công suất của động cơ : P = A/t = 4000000/240 = 16667 (W)  = 16,667 kW | 0,5đ  0,5đ  0,5đ |
| **Bài 3**  **(2,0đ)** | Tóm tắt và đổi đơn vị đúng  a) Nhiệt lượng do quả cầu tỏa ra là :  Qtỏa = m1.c1.(t1 – ­t­)  = 0,5.460.(100-30) = 16 100 (J)  b) Khối lượng của nước trong cốc là:  Qthu = Qtỏa  => m2.c2.(t – ­t2­) = Qtỏa  => m2 = Qtỏa : [c2.(t – ­t2­)]  => m2 = 16 100 : [4200.(30 – 15)]  => m2 ≈ 2,26 (kg)  c) Do có sự mất nhiệt ra môi trường xung quanh là 10% nên ta có :  Qthu = 90%Qtỏa  => m2.c2.(t – ­t2­) = 90%Qtỏa  => m2 = 90%Qtỏa : [c2.(t – ­t2­)]  => m2 = 90%.16 100 : [4200.(30 – 15)]  => m2 = 0,23 (kg) | 0,5đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ |